

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-ST

Ngày 05-01-2024

V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Pên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Nhân;

2. Ông Nguyễn Việt Thành;

Thư ký Pên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2023/TLST-DS ngày 23/11/2023 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 670/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Hồng D, sinh năm 1971; Địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Lê B P, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 19/8/2023).

- Bị đơn:

Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1970; Địa chỉ: phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Văn N, sinh năm 1969; Địa chỉ: phường Đ, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn bà B có mặt, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa đại diện cho nguyên đơn trình bày:**

Trước đây bà Phan Thị Hồng D và vợ chồng bà Nguyễn Kim B, ông Lê Văn N là chỗ quen biết với nhau. Vào tháng 5/2011, bà B có hỏi vay tiền của bà D để làm ăn. Do tin tưởng bà B là người có uy tín và vợ chồng bà B cũng có công việc làm ổn định nên bà D đã đồng ý và đưa cho bà B vay số tiền là 188.499.000 đồng.

Đến ngày 15/01/2014, bà B viết giấy mượn nợ (Giấy mua hui), ký tên với nội dung còn nợ bà D số tiền là 169.199.000 đồng. Bà B cam kết sẽ trả cho bà D mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà B đã không thực hiện đúng như cam kết đã thỏa thuận. Ông Lê Văn N là chồng bà B cũng biết rõ sự việc này. Bà D đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện để vợ chồng bà B, ông N thực hiện việc trả nợ cho bà D nhưng đến nay vợ chồng bà B, ông N vẫn cố tình không thực hiện. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Kim B, ông Lê Văn N trả cho bà Phan Thị Hồng D số tiền 169.199.000 đồng.

Tại Phiên tòa: Đại diện cho nguyên đơn trình bày rằng bà B có tham gia chơi hui nhưng không hót hui được nên bà D có cho bà B vay tiền 188.499.000 đồng. Đồng thời bà B bán dây hui mà bà B tham gia cho bà D số tiền 188.499.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên bà B không hót hui được để đưa lại số tiền 188.499.000 đồng cho bà D nên bà D yêu cầu bà B trả số tiền nêu trên. Bà B đã trả được một khoản tiền, đến nay số tiền còn lại chưa trả là 169.199.000 đồng. Yêu cầu bà B trả cho bà D số tiền 169.199.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất trên số tiền nợ. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông N.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Kim B trình bày:**

Bà B xác nhận còn nợ bà Phan Thị Hồng D số tiền 169.199.000 đồng, có viết giấy mượn nợ (Giấy mua hui) ngày 15/01/2014. Số tiền này là do bà tự vay, chồng bà là ông Lê Văn N không hề hay biết nên bà tự chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ trên. Do bà B đang gặp khó khăn nên xin được trả dần với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ và yêu cầu phía nguyên đơn không tính lãi.

Tại Phiên tòa: Bà B trình bày rằng bà B không có vay tiền của bà D mà bán hui cho bà D số tiền 188.499.000 đồng, bà D đã đưa cho bà B số tiền này. Sau khi bà B hót hui sẽ đưa tiền hui cho bà D. Tuy nhiên do chủ hui bề hui nên bà B không hót được tiền hui để đưa cho bà D. Đến nay bà đã trả dần và còn nợ bà D số tiền 169.199.000 đồng. Bà B đồng ý trả số tiền 169.199.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại Pên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung vụ án và lời trình bày của đương sự tại Pên tòa thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền, không yêu cầu lãi suất nên xác định quan hệ tranh chấp là đòi tài sản theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại số 37/5, tổ 5, khu vực Thới Thuận, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Tại Pên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn N. Đây là sự tự nguyện định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào “ Giấy mua hụi 15/9/2011” và “Giấy nhận nợ ngày 15/01/2014” xác định được: Bà B có giao dịch bán các dây hụi của bà B cho bà D với số tiền 188.499.000 đồng. Bà B còn nợ bà D số tiền 169.199.000 đồng. Căn cứ vào lời trình của các bên thì do bể hụi nên bà D không lấy được tiền hụi mà bà B đã bán, bà B đã nợ bà D số tiền này, đã trả dần cho bà D và đến nay bà B còn nợ lại số tiền 169.199.000 đồng. Lời trình bày của đương sự tại Pên tòa phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Trong trường hợp này bà D có quyền đòi lại tiền do bà B không thực hiện được nghĩa vụ theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Pên tòa, bà B thống nhất số nợ và đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng D đối với bà Nguyễn Kim B.

Bà Nguyễn Kim B có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị Hồng D số tiền 169.199.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Kim B phải chịu 8.459.950 đồng (*Tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn bà Phan Thị Hồng D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.229.975 đồng (*Bốn triệu hai trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0002260 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PÊN TÒA**

đã ký

Lê Thị Thùy Hương